

## DU-GIÀ LUẬN KÝ

### QUYỂN 16 (Phần Cuối)

#### BẢN LUẬN QUYỂN 58

Trên đây, trong gồm thâu Quyết Trạch phần có mười hai đoạn, ban đầu có bảy quyển. Quyết định kết hợp năm thức thân, Địa, Ý Địa đã xong.

Dưới đây là thứ hai, có bốn quyển, hợp với quyết định ba địa có tâm, có từ v.v..., trong đó:

1/ Kết trước, sinh sau.

2/ Chánh quyết trạch.

3/ Sau, tổng kết.

Y theo trong Chánh quyết trạch gồm có:

1/ Tạp Quyết trạch.

2/ Chánh quyết trạch nghiệp phiến não sinh ba thứ tạp nhiễm.

Trong phần trước, trước nói lý do vì sao Diêm-ma được gọi là Pháp Vương, sau nói lý do vì sao biển mặn.

Trong phần trước, Diêm-Ma, tức Bản Địa phần nói là Tĩnh Tức Vương, lặn dứt mọi điều sai quấy.

Nói: “Vì khiến nhớ nghĩ, nên liên hóa hiện thân giống như người ấy, nghĩa là nếu có chúng sinh mổ bò, khi sắp đọa vào địa ngục, bị bắt giải đến chỗ Pháp vương. Diêm-Ma hóa ra con bò bị người đó giết, bảo với người đó rằng: “Trước đây ông đã giết tôi, nghiệp ác mà ông đã gây ra đó, đến nay, ông sẽ phải cam chịu nỗi khổ của địc ngục này”, đã khiến cho người kia nhớ lại nghiệp ác đời trước của mình, rồi sinh tâm ăn năn. Vì cho nên hỏi:

“Khi người kia bị bắt giải đến chỗ vua là đang ở Trung hữu hay tử hữu ư?”

Vấn đề này có hai cách giải thích:

1- Nói là trung hữu.

2- Nói là Tử hữu.

Theo văn dưới đây nói: “Có ba hạng người đọa vào Na Lạc Ca, không nhớ đời trước, nên khiến cho họ nhớ lại, tức biết được cách giải thích trước là hơn.”

Hỏi: Ngục tốt (cai ngục) là hữu tình hay phi tình.

Đáp: “Trong tiểu thừa, có chỗ cho là hữu tình, có chỗ nói chẳng phải hữu tình. Luận Chánh lý nói là có cả hữu tình, phi tình. Nay, theo văn luận này tự có hai giải thích:

1- “Tất cả cai ngục đều chẳng phải hữu tình, vì luận nói rằng, như biến hóa, chẳng phải chúng sinh”.

2- “Cai ngục có hai:

a- Sứ giả Diệm Ma, tức số hữu tình.

b- Do sức nghiệp của chúng sinh sinh ra, đồng ở địa ngục, khiến cho người chịu khổ là phi hữu tình. Văn luận này y theo vào tướng chung để nói. Hữu tình ở địa ngục không gây ra nghiệp mới. Về lý, thật ra cũng tạo nghiệp ác trong ba thời gian, vì có ngũ ác, ngũ thù dật, và sân v.v....”

Hỏi: “Ở chỗ khác, nói đường ác không tạo nghiệp dẫn đến đường ác, vì không khởi phân biệt phiền não. Nay, vì sao nói là vì khiến cho họ nhớ nghĩ nên bình đẳng ư?”

Đáp: “Dù không còn gây ra nghiệp báo chung mới, nhưng do sân v.v..., nên kích phát nghiệp báo chung đã từng tạo, lại vì thọ báo chung của đường ác nên vị Pháp vương này dù khiến cho người tội nhớ lại, nhưng không khởi sân v.v....”

Dưới đây, nói về biển mặn. Do nước mặn cho đến không bị nhạt, hại, nghĩa là do nước mặn, chúng sinh ở lục địa không được xuống nước để mát, làm hư hại, thì rấn ở trong nước khó được. Người ở trong nước này có phước. Lại, đến một phần khó được trong biển cả, nghĩa là nước muối khó được, tức một phần ở lục địa là phi phước. Luân Vương ra đời, Chủ tạng đái thần dùng tay nắm cả biển, vật báu xuất hiện theo tay, trong khi chúng sinh khác tìm kiếm vật báu dưới biển khó được, nên nói rằng một phần khó được.

Kế là, chánh quyết trạch nghiệp phiền não sinh, tức là ba đoạn. Trong giải thích phiền não có ba:

- 1- Giải thích năm môn.
  - 2- Giải thích bảy môn.
  - 3- Giải thích chung chín môn.
- Y theo trong năm môn trước.
- 1- Nêu chương nêu năm.

2- Dựa vào môn để giải thích.

3- Kết.

Trong dựa vào môn, đầu tiên, là giải thích tự tánh, rất dễ hiểu. Thứ hai, trung phần nói về sự khác nhau của tư tánh, giải thích, kết.

Trong giải thích có bốn:

1- Giải thích phiền não căn bản.

2- Giải thích Tùy phiền não.

3- Giải thích lại căn bản,

4- Giải thích lại Tùy phiền não.

- Trong phần đầu có ba:

1- Nêu số, bày danh.

2- Giải thích riêng.

3- Phân biệt chung.

Giải thích Tát-ca-da Kiến, rất dễ hiểu.

Giải thích Tâm trong Biên chấp kiến, chấp Tăng ích. Pháp sư Cảnh nói: “Hỏi: “Chấp thường, có thể nói tăng ích; Chấp đoạn từ sự hư hoại sinh, sao gọi là Tăng ích ư?”

Giải thích: “Pháp, thật không có đoạn, nên gọi là tăng ích. Biên chấp kiến này chỉ phân biệt khởi, không có “câu sinh”: Đây là y theo vào kiến đoạn để nói, chỉ trừ tức kiến đoạn này, từ đời trước đến nay, tập quán đã theo đuổi Biên chấp kiến v.v..., cũng có “câu sinh”; quán tập nhiều đời là do tu dứt trừ. Văn luận Đối Pháp nói: “Người đã kiến đế ở trong địa vị tu, từ trong quán xuất hiện, tìm kiếm thể tướng của ngã mà không thật có, bèn khởi đoạn kiến. Nay, là ngã, ngã làm sao được tồn tại? Ngài Tam Tạng nói: “Câu sinh có hai:

1- Bản lai câu sinh.

2- Dù chẳng phải vốn “câu sinh”, mà do sức tập quán, cho nên “câu sinh”.

Trong các Kiến thú. Thái, Cơ Pháp sư đồng nói: “ Như năm đường là nơi hữu tình trở về. chỗ mà các kiến trong sáu mươi hai kiến trở về nên nói là: “Các Kiến thú”. Pháp sư Cảnh nói: “Các kiến tìm kiếm, mong cầu đều có chỗ hướng đến, gọi là các kiến thú. Trong tà kiến, thông thường y theo vào lối chấp hẹp hòi, trái lý, gọi là tà kiến, có cả năm, trong đó, bốn thứ trước gọi là chấp tăng ích v.v..., Hỏi: “theo văn của Bản địa phần, chê cha, mẹ v.v..., gọi là chê bai tác dụng, không có việc làm khéo léo, v.v... gọi là chê bai nhân.”

“Vì sao trong đây không có hạnh diệu, hạnh ác, gọi là chê bai tác dụng? Chê bai cha, mẹ v.v... gọi là phá hoại sự thật?”

Giải thích: “Cha, mẹ có hai nghĩa:

1) Có thực dụng giữ gìn (Có tác dụng giữ gìn, làm cho sinh sôi, nảy nở).

2) Có nghĩa đáng tôn kính, tức là việc chân thật, hạnh thiện, ác có hai nghĩa:

1- Thể của nhân.

2- Dụng của nhân.

Hữu tình hóa sinh cũng có hai nghĩa:

1- Có tác dụng ràng buộc thức.

2- Sự thật của nhân quả, đều y theo một nghĩa, cho nên không đồng, thuộc về ba kiến trong sáu mươi hai kiến, vẫn ở chỗ này cho là thường kiến có ba mươi; đoạn kiến có bảy, tà kiến mười lăm. (Giải thích rộng về các kiến, như Bản địa phần ký).

Kiến thủ rất dễ hiểu. Giới cấm thủ, là giới đã thọ, vâng giữ, thuận theo kiến thủ; quyến thuộc của kiến thủ; tùy pháp kiến thủ. Pháp sư Cảnh nói: “Văn luận này là nói giới thủ dựa vào kiến thủ mà sinh, do ở trước chấp kiến là nhân giải thoát. Lại về sau, chấp giới là nhân hay chứng đắc; hoặc giới cấm v.v..., là vọng chấp đối đối với cảnh giới thủ. Dưới đây là nói về hạnh giải của các giới đó.

Ngoại đạo chấp giả dối rằng, từ Kiến thủ sinh thân nghiệp, ngữ nghiệp. Thuận theo kiến thủ, quyến thuộc của kiến thủ, đều là thể của giới cấm, là cảnh của giới thủ. Văn luận này nói ngay hạnh giải của hai thủ kiến, giới không khác nhau, chỉ cảnh có khác.” Pháp sư Thái nói: “Tánh, gọi là giới; giá gọi là cấm. Cũng có thể cũng giới nội, gọi là giới; giới của ngoại đạo là cấm.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ở đây cho rằng, vì dựa vào kiến thủ, nên thọ trì, cấm giới. Cấm giới tùy theo kiến thủ, tùy pháp kiến thủ đó, đó là duyên giới cấm mà sinh.

Tham có bốn: Chấp mắc vào các kiến của ba cõi là một, chấp các mắc pháp còn lại của ba cõi là ba.

Giận dữ có bốn thứ là:

1- Tổn hại, kiến của mình, người.

2- Tổn hại mình hữu tình khác.

3- Ghét bạn lành của ta.

4- Ghét kẻ thù của ta.

Trên đây là nêu bốn cảnh, chấp bốn thứ giận dữ.

Trong mạn, trước nêu tự tánh, sau biên minh về sự khác nhau.

Trong sự khác nhau, trước nêu cảnh mạn của hai môn. Kế là, giải

thích dựa vào cảnh, sinh ra mạn. Trong bốn cảnh mạn, lược qua không giải thích. Đầu tiên kiến khởi mạn, là mạn đối với xứ hữu tình, nghĩa là ba loại mạn: Hạ, Trung, Thượng. Hạ, nghĩa là thấp hơn bình đẳng, cho là bình đẳng, gọi là tất là Mạn. Đối với bằng cho là hơn, đối với hơn cho là bằng, gọi là Quá mạn. Luận Bà-Sa v.v... chỉ nói đối với bằng, cho là hơn, không nói đối với hơn, cho là bằng. Các Luận sư cho đó là trở ngại. Về lý, tất nhiên phải có.

Đối với trên, cho là hơn, gọi là quá quá mạn (Mạn quá mạn). Đối với nhiều hơn cho là kém ít hơn người kia, gọi là Bất như mạn (Ty liệt mạn). Mạn đối với chỗ thọ dụng dục. Nghĩa là do người có nhiều của cải v.v..., cũng khởi ba thứ mạn. Về sau, Hữu xứ mạn, nghĩa là chí tâm tức là cao cử, nghĩa là chấp ngã sẽ có, tức là đối với “thường”, khởi mạn “không” la đối với “đoạn” khởi mạn. Phi tướng phi phi tướng v.v.... Thì cao cử: chấp ngã là có thì thường khởi mạn, là không thì khởi mạn đối với đoạn. Phi tướng, phi Phi tướng v.v... tức là đối với kiến của phi hữu tướng, phi vô tướng mà sinh ra mạn, trở lại là cậy “thường” khởi mạn. Đối với “thường” khởi mạn, chấp có thể gian vui, gọi là đông. Đối với “đoạn” khởi mạn vị lai không liên tục, gọi là vô động. Thân ở người, trời, yêu cõi khởi mạn, nên nói rằng: “Vì chuyển, trong các đường ái, nên tâm cao cử. Hoặc loạn mạn, nghĩa là sáu thứ còn lại, đó là quá mạn, quá quá mạn, ngã mạn, tà mạn và bất như mạn.

Hai lần “lại nữa” dưới đây là giải thích lại mạn loạn, bất loạn.

Tương ứng với Tham v.v... trong vô minh, gọi là tương ứng vô minh, nghĩa là dựa vào văn này để phán quyết: Vô minh Mạt-na tức thuộc tương ứng. Nếu không có các triền phiền não như tham v.v..., chỉ bình đẳng trong các cảnh đế khổ v.v... thì gọi là thuộc về Độc hành. Hai phần bình đẳng do sự trong nghi, nghĩa là đối với hai phần “có”, “không”, tâm không quyết định hiểu rõ. Đại khái có năm tướng v.v..., ở đây có hai phán quyết:

Một giải thích: Đầu tiên nghi ngờ đời quá khứ, vị lai.

2- Nghi vực tác dụng của thân.

3- Nghi ngờ quả do nhân sinh ra.

4- Nghi bốn Đế.

5- Nghi ngờ bảy báu.

Pháp sư Thái, Khuy Cơ đồng nói: “1- Nghi không có tự thể của đời khác; 2- Nghi không có nghiệp; 3- Nghi không nhân quả; 4- Nghi không có Đế; 5- Không nghi bảy báu. Trên đây là giải thích riêng. Dưới đây là phân biệt chung, có năm môn:

1) Nói “duyên” cảnh khác nhau, nghĩa là mười phiền não đều xoay vần duyên với tất cả phiền não của địa mình: Văn này chứng minh rằng, hai chấp kiến và giới không những duyên sự kiến giới sinh, mà còn cùng các tham v.v... của kiến, giới, đều “duyên” để làm cảnh, nên không có ngăn ngại, chứ chẳng phải “hoặc” của địa trên có thể “duyên” tất cả phiền não của địa dưới: Đây là lý tùy thuận, như văn của quyển năm mươi chín dưới đây cho rằng: “Địa trên “duyên” Địa dưới khởi mạn.

2/ Nói về môn ba tánh: ban đầu, nói hai tánh; sau nói về chiêu cảm quả. Pháp sư Cảnh nói: “Như Đối Pháp quyển tư chép: “Nói là phiền não trói buộc cõi Dục, không tự nhiên khởi, nghĩa là bất thiện. Nếu tự nhiên khởi, có thể khởi hành động ác thì cũng là bất thiện, ngoài ra là vô phú, vô ký. Quyển này, ở dưới nói: “Tất cả tham v.v... đều có thể phát nghiệp: Văn này, tức nói hai đoạn Kiến, Tu “phân biệt”, “câu sinh” đều có thể phát nghiệp. Y theo tu đoạn kia, “câu sanh” không phát nghiệp, mới là vô ký. Hỏi: vì sao câu sanh không thể phát nghiệp?”

Đáp: “Sáu phẩm trước trong chín phẩm “câu sinh” là thô, nên có thể phát nghiệp thân, ngữ. Ba phẩm sau là Tế, nên không thể phát nghiệp.”

Hỏi: “ “phân biệt”, “câu sinh” của “hoặc” cõi Dục, đều có chín phẩm phân biệt chín phẩm là đều có thể phát, hay chỉ sáu phẩm ư?”

Giải thích: “Phân biệt khởi “hoặc” đồng loại. Dù có chín phẩm, nhưng nếu so với “câu sinh” thì đều thành phẩm thượng, đều là bất thiện. Vì cho nên chín phẩm đều có thể phát nghiệp.

Hỏi: “Nếu “phân biệt” chín phẩm, “câu sinh” sáu đều có thể phát nghiệp bất thiện, thì làm sao nghiệp bất thiện có thể đến đường ác?”

Đáp: “Chỉ” “phân biệt” khởi nghiệp, có thể đến đường ác, chứ chẳng phải nhậm vận khởi. Lại, y theo nghiệp do phân biệt khởi, thì phẩm trung thượng phát nghiệp qua đến đường ác, chứ chẳng phải sáu niệm của phẩm hạ mà khởi, nên quyển dưới nói: “Nếu các phiền não mạnh mẽ, nhạy bén hiện hành thì mới có khả năng phát khởi nghiệp qua đến đường ác, chứ chẳng phải các thất niệm (quên mất) mà hiện hành. Lại “Phân biệt” khởi, có thể phát nghiệp này chẳng phải nhậm vận.

Nói: “Đủ ba duyên đi qua đường ác”. Đây là y theo vào phiền não phẩm thượng, huân tập thành hạt giống. Đủ ba nhân duyên là nghiệp sinh báo, sẽ đọa vào đường ác. Lại, có quá khứ đã từng gây ra nghiệp

báo sau, dù thiếu ba nhân đi qua đường ác, nên nói rằng “trừ Nghiệp trước đã gây ra v.v...”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Thân kiến “câu sinh”, vì chỉ có vô ký thường hiện hành, cho nên bình đẳng, như quyển chín mươi bốn ở dưới nói rằng: “Đạo thế gian không hàng phục thân kiến này, cho đến Kim cương mới dứt trừ. Văn dưới quyển này nói: “Thế gian hàng phục, hoặc hàng phục tu, không hàng phục kiến tu, hoặc yêu, hoặc giận dữ, kể cả gần gũi kiêu căng, ngạo mạn và vô minh tương ứng này bất luận Ngã kiến, biên kiến và đều có mạn, ái này, nên luân này nói rằng: “Có lời nói thích đáng gần gũi kiêu, mạn, cùng với mạn gần gũi tham lam, giận dữ. Như quyển chín mươi bốn ở dưới nói. Tuy nhiên, tánh vô ký này làm sao thành chín phẩm? Thuộc về đường nào của cõi Dục?”

Ngài Tam Tạng đáp: “Tánh vô ký này thuộc ba phẩm sau. Nếu đạo thế gian lúc hàng phục chín phẩm, thì chỉ hàng phục sáu phẩm trước. Do đó ba phẩm sau có thể hàng phục. Nhưng vì sáu phẩm trước cũng có chín phẩm, nên nói là đạo thế gian hàng phục chín phẩm.”

Hỏi: “Sáu phẩm trước làm sao chia thành chín phẩm? Nếu một phẩm là chín phẩm, thì có lỗi năm mươi bốn phẩm!? Nếu một phẩm là ba phẩm, thì sẽ có lỗi mười tám phẩm? Lại, Na-hàm không dứt trừ ngã kiến v.v... cõi Dục, tức dứt trừ chín phẩm “hoặc” của cõi Dục không hết, bởi ba phẩm sau chưa dứt trừ. Na-hàm này chưa dứt trừ, chỉ hàng phục “hoặc” được Dư lưu, không dứt trừ “hoặc” của năm phẩm trở xuống, vì không chướng ngại quả có chứng?”

Đáp: “Không đúng! tức cũng A-na-hàm tùy Địa ly dục dứt trừ, chỉ có ngã kiến “câu sinh” của thức thứ bảy là tồn tại. Dù A-na-hàm dứt trừ hết chín phẩm “hoặc”, nhưng phạm phu chỉ hàng phục sáu phẩm cõi Dục.”

Nay, giải thích: “Vấn đề này cũng nói chín phẩm tùy theo đều cùng khởi tăng thượng với phiền não nào? Hoặc phạm phu của phẩm loại thứ chín, hàng phục chín phẩm cũng hết. Nhưng trong phẩm thứ chín, có loại khác chưa hết, tức là ngã kiến, nên đạo thế gian không thể hàng phục, vì nhỏ nhiệm trong phẩm thứ chín.

3/ Y theo vào thức phân biệt Mạt Na chẳng phải thừa nhận chung, nên lược qua không luận.

4/ Biên minh về tương ứng với Thọ, bốn kiến ở cõi Dục và mạn, hỷ, xả tương ứng. Luận này đồng với Đối Pháp quyển bảy. Trong đây từ nhiều thô mà nói; về sâu, tế, như kế là, quyển dưới nói.

5/ Nói về thể của cảnh “có”, “không” được chia khắp. Pháp sư

Cảnh v.v... giải thích: “Lại, mười phiền não do kiến dứt trừ, gọi là không có sự v.v... vì cảnh “sở duyên” của ngã mạn, thân kiến, biên kiến, trong kiến dứt trừ, không có “hoặc” còn lại “duyên” cảnh của thân kiến sinh, cho nên, kiến dứt trừ tất cả phiền não, đều gọi là không có sự, không có sự đều bình đẳng, nghĩa là Thân kiến biên kiến, ngã mạn trong tu dứt trừ “hoặc” “duyên” không có sự sinh. Tu dứt trừ tham v.v... khác “duyên” tịnh, bất tịnh, có sự mà sinh, gọi là có sự vô sự.”

Theo nghĩa này, có ba giải thích:

1- Y theo cảnh “duyên” của các “hoặc” “có”, “không” nhằm phán quyết “có sự”, “vô sự”. Nếu theo nghĩa này thì chỉ có thân kiến: Biên kiến kể cả ngã mạn là “hoặc” sự, tên khác thì có sự. Dựa vào môn này để phán quyết hai dứt trừ của kiến, tu, đều có cả “có sự” và “vô sự”.

2/ Y theo vào các “hoặc” khởi chấp tăng giảm thì sẽ gọi là cảnh ở trước là “vô sự”. Nếu không có tăng giảm mà xứng cảnh trước thì gọi là hữu sự.

Bốn kiến chấp, có tà kiến chê bai “không”, chấp tăng, giảm này không xứng sự trước, gọi là “vô sự”, còn lại, gọi là “có sự”. Nếu dựa vào hai dứt trừ phiền não của môn này, thì đều có cả “có sự”, và “vô sự”.

3/ Y theo mê sự để biên minh có sự, vô sự. Đây là kiến dứt trừ, gọi là không có sự, vì mê lý sinh, không mê sự, do tu dứt trừ, gọi “có sự”, vì mê sự.

Kế là, nói về tham, mạn và giận dữ “duyên” cảnh không khắp. Bảy phiền não còn lại lấy chung tất cả sự, gọi là biến hành.

Kế là Thứ hai, là giải thích Tùy phiền não. Trước nêu chung. Trước nêu sau giải thích riêng.

Trong phần trước Pháp sư Cơ cho rằng: “Nói thuận theo, nghĩa là câu chung. Hoặc thể của Tâm, Từ, thù miên v.v... chẳng thuận theo phiền não, nên gọi là phiền não. Hoặc nói là số trong Biệt cảnh, là phiền não đều hiện hành với phiền não, nghĩa là Tùy phiền não do bốn tướng mạo đều hiện hành, nên gọi là Tùy phiền não.

Phẩm loại phiền não. Tức giận, hận v.v..., như văn dưới và các phẩm loại v.v....

Có giải thích rằng: “Thuận theo phiền não như thế” là câu chung. Phiền não đều hiện hành nghĩa là hai mươi hai pháp: Vô tà, vô quý v.v.... Phẩm loại phiền não, nghĩa là Tâm, Từ, Hối, Miên.”

Có giải thích rằng: “Hai “hoặc” Trung, Đại gọi là phiền não cùng hiện hành. Tiểu có mười, gọi là phẩm loại phiền não.”



Nay, giải thích: “Thuận theo phiền não, nghĩa là nêu chung. Danh từ tùy phiền não là thuộc về Tâm, Từ, Hối Miên.

Phiền não câu hành (đều hiện hành), nghĩa là đây là Đại Tùy “hoặc” của Trung, Đại tùy phẩm loại phiền não, nghĩa là ở đây chỉ bày rõ số tiểu có mười thô, nói là Trung Đại.

Y theo trong giải thích riêng, văn chia làm hai:

1- Nói trong Tùy phiền não có bốn trường hợp.

2- Y theo vào mười hai xứ, để phân biệt khởi xứ.

Trong phần trước, Ngài Tam tạng nói: “Dựa theo văn này lấy ba tánh Tâm, Từ, gọi là chung Tùy hoặc. Nhưng lấy nhiệm là thể của Tùy hoặc, về mặt đạo lý thì yên ổn.

Nói: “Nếu trong tạp sự, đức Thế tôn đã nói: “Các tùy phiền não v.v... Ngài Tam Tạng nói: “Theo Đại Chúng bộ thì có riêng tạp Tạng, gọi là tạp sự. Nếu theo Tát-Bà-Da và Đại thừa, thì chỉ có phẩm phi tạp sự trong Tỳ-nại-da, gọi là tạp sự, trong đó nói rộng về sự khác nhau của tùy hoặc.”

Dưới đây y theo vào mười hai xứ, nói về chỗ khởi.

Nói lấy mười hai xứ này làm y chỉ cho đến khác nhau mà chuyển, nghĩa là trong đây nói “bản hoặc” và “Tùy hoặc”, gọi chung là Tùy phiền não, vì sau dựa vào trước theo nhau khởi. Lại nữa, trong đây nói về thứ lớp của tùy hoặc, đều khó có thể nhận biết. Như trong luận ở trước, chỉ nói là tạp sự. Phiền não theo tướng buồn rầu than thở, nhiều não v.v..., được đặt tên nghĩa tùy. Các thứ chẳng phải một, không thể được nhất định, chỉ có thể phối hợp tùy theo văn, nghĩa là tham chấp, giận dữ, ngu si, đều dựa vào xứ ban đầu chuyển, nghĩa là chính văn luận này nói Bản hoặc gọi là nghĩa Tùy. Đới Pháp nói: “Phần v.v... cho đến Siểm, đều dựa vào xứ thứ hai mà chuyển.”

Thuyết trên dưới nói về thứ lớp của phiền não không nhất định, chẳng hay nêu phần cho đến siểm, khoảng giữa có bao nhiêu phiền não?

“Vô tâm, vô quý, dựa vào chỗ phạm giới chuyển” trở xuống, tùy theo văn dựa vào trước để phối hợp.

3/ Trong giải thích lại Bản hoặc, tham, sân, mạn, nghi không tương ứng nhau. Pháp sư Cảnh nói: “Vô minh tương ứng với tất cả phiền não, cho đến tham, sân không tương ứng nhau, mà tham với kiến, mạn được tương ứng nhau. Như lúc tham nhiệm, hoặc kiêu căng, ngạo mạn, mới tỏ ra tự đề cao v.v..., trước, sau trái nhau, thì làm sao hiểu?”

Giải thích rằng: “Tham, mạn, Kiến bản địa, nếu mạnh mẽ thì sẽ

không tương ứng, nếu không mạnh mẽ tùy thuận nhau khởi thì được tương ứng, vì đều y theo một nghĩa, nên không trái nhau.”

Pháp sư Thái nói: “Ở đây y theo vào môn Tùy chuyển lý, nên không tương ứng.”

Nay, theo luận Duy Thức, trước, vì y theo vào tham ái câu sanh của nội duyên nên nói là tương ứng, trong đây y theo vào tham mạn “phân biệt” của “duyên” bên ngoài, nên nói không tương ứng.”

4/ Trong giải thích lại Tùy hoặc. Pháp sư Cảnh nói: “Đều là phẩm loại phiền não, nghĩa là “hoặc” căn bản này và là dòng loại sau của tùy hoặc, gọi là phẩm loại; hoặc là nêu phần, gọi là phẩm loại.

Cuống (lừa dối) siểm (mịnh hót) là dòng phẩm loại của Tà kiến, đồng với thuyết của luận Tiểu thừa, cái gọi là năm tà kiến, siểm, y do đây sinh v.v.... Nay, tâm, từ của Đại thừa không đồng thời, khác với Tát-Bà-Đa, đồng ở nhất tâm.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Quyển năm mươi lăm trước nói: “Cuống, siểm là Đẳng lưu của si, nghĩa là vì tà kiến là Tăng thượng si”. Luận này y theo vào hành riêng, Duy Thức kia y theo luận chung, nên là phần si. Luận này y theo lúc hành tương khởi, vì tăng, nên nói đẳng lưu tà kiến. Đây là xét kỹ các luận.”

Hỏi: “Ở trước nói tự tánh của Tuệ không tương ứng. Trong đây, sao tà kiến đều có mà phát ra Ngũ Tâm, Từ, đồng thời với kiến ư?

Thuật rằng: “Vì lúc này dựa vào Tâm, Từ của Tư chẳng phải Tuệ, nên không có trở ngại khó khăn.”

Dưới đây là trong giải thích sự khác nhau giữa nhiễm và tịnh. Gồm hỏi, giải thích, kết.

Trong giải thích có hai:

- 1- Nói nhiễm đối tượng trị.
- 2- Biện minh về tịnh, chủ thể trị.

Trong phần trước, trước nói về hạt giống hiện hành, sau nói về sự trói buộc.

Trong phần trước, nói: “1) Do triền ràng buộc, nghĩa là hỏi về bản, tùy, chỉ là hiện khởi, đều gọi là Triền.

2) Tùy miên, nghĩa là vốn tùy theo hạt giống, ở đây gọi là Tùy miên.

Hiện hành trở xuống, có hai lần “lại nữa”: 1) Giải thích về tùy miên triền; 2) Gọi là sai khác.

Lần “Lại nữa” sau, là nghĩa Thượng tọa trong tạng luận. Nếu các Cụ phước Bồ-đặc-già-la, đến tùy địa cũng thế. Đây là giải thích về

tướng thành thực của Tùy miên. Văn này tức là nói gây tổn hại, hàng phục hạt giống, “hoặc” không nói gây tổn hại, chế o nhục phiền não hiện hành. Lại, văn này trái với trước, trong được thành tự, như Đối Pháp đồng với văn này. Như hội ý trước, kể là giải thích tướng triền, cho đến “nếu ở địa dưới, thì triền của địa trên thành tự, chứ chẳng phải ở địa trên, thành tự triền địa dưới”. Pháp sư Cảnh nói: “Trừ lúc qua đời, lúc khác thì không khởi phiền não của địa dưới. Thân ở địa trên, khi sắp qua đời, sinh xuống địa dưới, đang ở phần vị sáng suốt, rõ ràng, được khởi “Câu sinh ái” v.v... của địa dưới. Như luận Đối Pháp nói: “Chín thứ tâm mạng chung, khởi “Câu sinh ái” v.v.... Luận chủ y theo phần nhiều để nói.”

Nay, giải thích văn này, vì y theo vào môn Tùy chuyển để nói, nên không thành tự.

Ở dưới đây, là nói về sự trói buộc.

Nói: “Chỉ ở hiện tại, do tùy miên phiền não của chủng loại này mà nói, nên gọi là trói buộc v.v... Ngài Tam Tạng nói: “Trung Biên chép: “Vì huân tập phát sinh chủng loại trong hiện tại, nên gọi là trói buộc.”

Pháp sư Cảnh nói: “Chỉ ở hiện tại có chủng loại Tùy miên quá khứ kia, gọi là trói buộc quá khứ, chính khởi triền tiền ràng buộc hiện ở trước với tùy miên, cả hai đều gọi là trói buộc. Vì vị lai, nay không có, nên không gọi là trói buộc. Như chủng loại này, phải biết rằng, các phiền não còn lại cũng thế. Ngài Tam Tạng nói: “Như một loại như thế phiền não còn lại cũng thế. Pháp sư Thái nói: “Như sự trói buộc là y theo hiện tại, chẳng phải quá khứ, vị lai. Nên biết các tùy miên trói buộc còn lại, v.v... môn nghĩa phiền não còn lại cũng thế, chẳng phải quá khứ, vị lai.

Không “trói buộc đủ” (Cụ phược). Nghĩa là phiền não khác, gọi là trói buộc, dứt trừ bất cứ phẩm nào trong chín phẩm, phẩm chưa dứt trừ khác, gọi là sự trói buộc, tức là điểm khác nhau.

Dưới đây là thứ hai, nói về tịnh, chủ thể trị, có ba lời hỏi, đáp: Trong phần đầu nói:

1) Biết rõ tai họa lỗi lầm của tự tánh phiền não, nghĩa là phát ra khổ, chiêu cảm sinh riêng khổ não của hai đời hiện tại và mai sau.

2) Tư duy cảnh tướng sở duyên của đối trị kia, nghĩa là học quán “hai không” nhằm làm rạn vỡ Chân như, gọi là tướng của cảnh tư duy.

3) Dùng phẩm thiện để giúp cho tâm nối tiếp nhau, nghĩa là tu

thiện vượt hơn: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục v.v... giúp đỡ tâm. Đây là dứt trừ hẳn đạo hạnh trước kia của chánh kiến, nghĩa là hai thứ đối trị trước ở địa vị tư lương, một đối trị sau ở gia hạnh, ba thứ này đều là phương tiện xa gần của đạo hạnh vô lậu đoạn.

Giải thích ba thứ đối trị đều có cả địa vị tư lương, gia hạnh. Kế là hỏi đáp rất dễ hiểu.

Trong hỏi đáp nói rằng: “chẳng phải dứt trừ (đoạn) quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng nói là đoạn ba đời bình đẳng: Đây là y theo vào pháp nhân duyên sinh y tha, giống như huyễn hoa, vì chóng khởi, chóng diệt, nên không thể đoạn. Cũng nên nói rằng, các pháp trong thắng nghĩa đế đều “Như” nên không có đối tượng dứt trừ. Lại theo giải thích của Đại thừa, thì đôi khi không cùng có, như khi có ánh sáng thì không có bóng tối, lúc có bóng tối thì không có ánh sáng.

Hoặc có thuyết nói: “Chỉ có ánh sáng phá tan bóng tối thì không có việc đó”.

Vì y theo như thế, nên nói chẳng phải đoạn quá khứ, vị lai. Nhưng nay y theo một thân trước sau nối tiếp nhau, chỉ sức Thánh đạo khiến cho Bản thức được lìa Tùy miên trong ba thời gian kia. Vì cho nên lại nói: “Nhưng vì nói đoạn ba đời”.

Thập Địa chép: “Chẳng phải ban đầu, chẳng phải chính giữa và sau, vì lấy trước, giữa, sau.” Lại có tùy miên lìa tâm tùy miên, cả hai không hòa hợp. Cho nên, hiện tại cũng chẳng phải đối tượng đoạn”. Pháp sư Cảnh nói: “Thông thường hòa hợp có hai:

- 1) Phương pháp, nơi chốn hòa hợp, như búa và gỗ.
- 2) Vật thật hòa hợp, nhân của các pháp, như hai tâm “giải” hoặc.
  - a) Chẳng phải phương.

b) Là nhân duyên sinh, vì như huyễn, như hóa, nên không có vật thật hòa hợp.

Do nghĩa như thế, nên không thể nói đoạn. Nhưng, dưới đây là, sẽ nói về đạo “năng trị” trong đạo nối tiếp nhau, sinh tâm, “sở trị” diệt. Hiện tại không có tùy miên, quá khứ, vị lai cũng không, nên mới nói là dứt trừ ba đời.

Trong giải thích về mê đoạn khác nhau, ban đầu, nói về mê dứt trừ sau, nói “duyên” cảnh.

Ở phần trước, gồm hỏi, giải thích, kết. Trong giải thích gồm có:

- 1) Nêu mười lăm môn đoạn của ba cõi khởi “hoặc” nhiều, ít.
- 2) Tùy giải thích riêng.

Nay, văn luận này nói: “Cõi Dục mê khổ có mười mê ba đế khác,

mỗi đế đều có tám, trừ thân kiến, biên kiến. Cõi trên, dứt trừ sân; pháp khác, như thuyết sau sẽ nói. Văn luận dưới đây sẽ nói đầy đủ.

Đối tượng của bốn đế cõi Dục đều có mười, hai cõi trên trừ sân. Dục do tu đoạn có sáu, hai cõi trên trừ sân, mỗi cõi đều có năm, đồng với Đối Pháp, vì sao trái nhau ư? Ngài Tam Tạng nói: “Tự có hai môn”.

1) Môn mê đế khởi, “hoặc”. Cho nên, các đế đều có mười thứ.

2) Môn đế hạnh đoạn “hoặc” như khổ đế cõi dưới, có hạnh ‘không vô ngã’ làm chủ thể trị, tức có thân kiến làm đối tượng trị. Đã có hạnh vô thường làm chủ thể trị, thì có biên kiến chấp thường làm đối tượng trị. Cho nên, nổi khổ cõi dưới có đủ mười phiền não. Vì đế khác không có đạo “năng trị” này, nên không có thân kiến. Biên kiến “sở trị”

Pháp sư Thái nói: “Bốn đế của môn chân thật lý đều có mười, như luận Đối Pháp nói, chỉ vì khổ đế có hạnh “không vô ngã”, đối trị ngã kiến, biên kiến, dựa vào ngã, khởi tùy ngã kiến, mà nói nên chỉ nói mê khổ có mười. “Ba đế mỗi đế đều có tám”. Đạo lý như thật, tất cả phiền não đều do thấy, ‘không “ mà dứt. Không thể nói là thấy bốn đế dứt, chỉ mê bốn đế, khởi lên các phiền não. Tùy mê khởi xứ, đều do bốn đế dứt.

Pháp sư Khuy Cơ nói lại hai giải thích:

Hỏi: “Như nói các đế đều có Thân kiến biên kiến”, vậy tướng mạo của chúng thế nào?”

Đáp: “Chấp “hoặc” phẩm hạ của đế kia làm ngã, tức gọi là thân, biên, giới thủ v.v... phẩm hạ của đế này cũng thế.”

Nếu vậy, chấp chung “hoặc” phẩm hạ của bốn đế làm ngã, thì “hoặc” này do đế nào dứt trừ?”

Đáp: “Không có việc đó, vì không thể “duyên” chung từ “duyên” riêng.”

Hỏi: “Nếu vậy thì thân, biên phẩm hạ của khổ, tập không thể “duyên” khắp cả năm môn? Vì lý do đó, nên nói về “duyên” năm môn, là do có sức vượt hơn. Nghĩa mê khổ gia tăng, chỉ kiến khổ dứt trừ.

Hỏi: “Nếu vậy, thì Thân, Biên phẩm hạ của Khổ, Tập không thể duyên khắp cả năm môn?” Vì lý cho đó, nên nói “duyên” năm môn. Là do có sức vượt hơn. Nghĩa mê khổ gia tăng, chỉ khiến khổ dứt trừ. Các sức Thân, Biên phẩm hạ của ba đế vì kém, nên không thể “duyên” khắp cả năm môn, vì chỉ có người mê riêng, nên kiến khổ dứt trừ.”

Hỏi: “Thân, Biên của phẩm hạ sao không thế?”

Đáp: “Do sức nhỏ kém, mê riêng tập, tức chỉ “duyên” tập đế, gọi là kiến tập đoạn, nên không đồng với khổ. Nay, tìm xuất xứ văn, tư có

ba thuyết:

1- Khổ phẩm hạ có mười, Tập, Diệt đều bảy; đạo có tám. Ở đây như thuyết Tát-Bà-Da nói. Bồ-tát Long Thọ vì tùy môn này nên nói chín mười tám sử.

2- Khổ phẩm hạ có mười ba đế, mỗi đế đều có tám thuyết, như Kinh Bộ v.v... nói.

3- Bốn đế, mỗi đế đều có mười, vì là đạo lý chân thật của Đại thừa.

Y theo vào hai mươi hai trường hợp ngã kiến trong giải thích riêng, vì đã mê khổ sinh, nên chỉ kiến dứt trừ, tu đạo thì không có.

Nói: “Lại, các tà kiến cho rằng, không có thí v.v... và quả Dị thực, đều gọi là chê bai.”

Bác không có cha, mẹ là một phần mê khổ, một phần mê Tập. Pháp sư Cảnh nói: “Cha, mẹ từ nhân, bên cạnh chẳng mẹ sinh gọi là khổ; sinh nam, nữ là tập. Do chê bai không có Trung hữu, cũng chê bai cảm nghiệp Trung hữu, gọi là chê bai khổ tập. Pháp sư Thái nói: “Nếu y theo cha, mẹ và thể của Trung ấm là Khổ đế, thì khả năng thành tựu thân sau vì nghiệp, nên cũng là Tập.

Chúng tánh Kiền-đáp-ma, xưa nói rằng Cồ-đàm, không thuận với tiếng phạm. Nay nói là Kiền-đáp-ma, Hán dịch là Nhật Chích. Hoặc nói là Cam Giá; hoặc là Ngưu Phần; hoặc gọi là Nê Thổ. Lại chấp giả dối là Tự Tại, Thế chủ v.v..., cho đến tà kiến, như thế cũng mê khổ đế.”

Pháp sư Cảnh nói: “Nếu nghe nói ngã kiến, rồi về sau khởi thì cảnh sẽ đồng với ngã kiến. Như thế chấp thường thì có Biên kiến, vì không có chấp trời Tự tại v.v.... Pháp của một địa là ngã, cũng là chấp thường kia, nhưng trái với đạo lý chân chính, gọi là tá kiến.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hỏi: “Quyển năm mươi tám này, ngay từ đầu nói rằng: “Biến thường luận, một phần thường luận đều là Biên kiến”, tức chấp Phạm vương là thường, thế sao trong đây vừa mới nói là tà kiến?”

Đáp: “Có hai thuyết: Nếu khởi ngã kiến, chấp Phạm Vương là Ngã, rồi về sau chấp là Thường. Chấp ngã thường này sinh sau nên thuộc Biên kiến như trước. Văn trong đây y theo chẳng phải ngã kiến sinh sau, nghĩa là vì ngã kiến này chẳng phải thường kiến, nên thuộc về tà kiến, cũng không trái.”

Hỏi: “Phàm phu hàng phục tu, không hàng phục kiến. Đây là “kiến hoặc”. Vì sao ngã kiến của cõi Sắc lại khởi ở cõi dưới ư? Nếu là ngã kiến của cõi Dục thì làm sao “duyên” cõi Sắc sinh?”

Đáp: “Ngã kiến này là trói buộc của cõi Dục, vì “duyên” danh làm cảnh, nên được “duyên” coi sắc kia sinh. Danh là danh tự. Vì nghe danh tự cõi Sắc kia mà “duyên” lại gọi là đó là bốn uẩn, tức là tướng của tâm này. Vì lia tâm không có tự thể riêng, nên nói “tâm, danh”.

Hỏi: “Nếu vậy, thì kiến và dục đâu có khác?”

Đáp: “Đến trong “duyên” cảnh dưới đây, thì sẽ biết.

Giải thích rộng về sự khác nhau có hai thuyết:

Biến thường luận này đều gọi là tà kiến, chẳng phải ngã, kiến sinh sau, như văn trước nói là Biên kiến và Phạm võng, Đối Pháp v.v... đều nói luận biến, thường này thuộc về biên kiến, giống như thể của thường kiến là tà kiến.

Nói Biên kiến, tất nhiên, thì ngã kiến sinh sau, nên trong đây, kể là văn trên rằng: “Tức dùng ngã kiến như thế làm y chỉ. Đối với năm uẩn, chấp ngã là đoạn, thường. Hai chấp đoạn, thường tức chỉ sau ngã, mới khởi lên luận Biến, thường này. Vì không “duyên” làm ngã, nên chẳng phải biên kiến, cũng không có Tát-ca-đa kiến của địa này, không đồng với Kinh Bộ “duyên” hư hoại mà sinh; không đồng với Tát-Bà-Đa “duyên” “có” mà khởi.

Trong đây, lấy tánh y tha làm y chỉ chấp có Biến kế sở chấp.

Bất tử, kiêu loạn cũng mê khổ đế. Nghĩa là nếu có người dựa vào khổ đế để hỏi, thì người kia đáp lung tung. Mê khổ đế này chấp chấp giả dối các kiến, dùng làm đệ nhất đẳng. Nghĩa là đã thừa nhận chấp kiến là vượt hơn, gọi là mê khổ, tức mê khổ quả đẳng lưu, gọi là mê khổ đế; vì không mê quả Dị thực, nên gọi là mê khổ đế. Nếu có lấy giả dối, thuận theo kiến này, cho đến giới cấm này, là người mê khổ đế.”

Pháp sư Cảnh nói: “hai nghiệp thân, ngữ là thể của giới cấm. Có người từ quả đẳng lưu của nhân đồng loại, gọi là khổ. Nay mê khổ này, chấp giới là vượt hơn.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “thuận theo kiến này, tức cảnh, căn của kiến thủ. Kiến này tùy theo pháp, tức đều cùng lúc với tâm pháp v.v... Lạc, trước làm nhân của kiến thủ, sau làm quả của kiến thủ.

Nếu có ngoại đạo đến đây và chỗ khác v.v..., thì ngoại đạo ở trước khởi nghi và đến chỗ người khác, đối với các khổ, còn do dự nghi ngờ về mê khổ. Đối với kiến của người khác, khởi sân, cũng gọi là mê khổ.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong sân chỉ nói có “duyên” kiến, nên biết được sân của kiến đạo Đại thừa chỉ “duyên” kiến khởi “duyên” sự của hữu tình, nghĩa là sân của tu đạo này. Lại, ở đây, nếu y theo “duyên” kiến mà sinh, chẳng phải trong sự không có. Trông cậy vào

kiến khởi mạn, cũng là mê khổ. Phải biết rằng, y theo mê khổ quả đẳng lưu, nếu có người vô trí v.v..., thì vô trí là vô minh, tương ứng chung với hành riêng, gọi là chung là mê, hoặc vô minh mê trong Tập”.

“Lại, có Sa-môn cho đến tất cả tà kiến”. Pháp sư Cảnh nói: “Hỏi: chẳng phải nhân chấp là nhân, sao chẳng phải giới thủ?”

Đáp: “Giới thủ, đôi khi người kia không chấp lấy hoặc chỉ chấp giả dối Tự Tại v.v... làm nhân của chúng sinh, trái với chánh nhân kia, gọi là tà kiến, lại có tà kiến bất tử, bất tử, kiêu loạn, đến một phần, nghĩa là nếu có người dựa vào tập để hỏi, thì người kia sẽ đáp lung tung. Đây là mê tập đế.

Kế là nói về hai thủ: Kiến, Giới, đều y theo me kiến, giới kia, trước, chủ thể sinh, sau, nghĩa Tập đế, chấp biên, vô biên trong mê Diệt tám, một phần trong các kiến bất tử, kiêu loạn.

Pháp sư Cảnh nói: “Như chấp bốn thiền là giải thoát, Niết-bàn, người, trời cõi Dục là thể của Niết-bàn. Vì lượng nhỏ nên gọi là hữu biên. Chấp thiền thứ tư là Niết-bàn giải thoát. Số đo lường lớn, nên gọi là vô biên.

Chấp ba thiền dưới vừa hữu biên, vừa vô biên v.v..., gọi là tà kiến mê Diệt đế, bất tử, kiêu loạn. Nếu dựa vào Diệt đế để hỏi, thì người kia sẽ lung tung, gọi là tà kiến mê diệt, nên nói là một phần.

Nói Niết-bàn hiện pháp tất cả tà kiến, nghĩa là chấp dục, tự tứ năm dục của người, trời là một Niết-bàn và chấp bốn thiền làm bốn Niết-bàn. Do chấp sinh tử của năm xứ cho là Niết-bàn, không “duyên” kiến, giới mà khởi tà kiến mê Diệt. Lại, có người chấp ngang trái các tà giải thoát v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “Rằng, ngoại đạo theo pháp nào để được giải thoát? Tức là tà kiến mê Diệt.”

Pháp sư Thái nói: “ Cháo trời Vô tướng, v.v... là giải thoát, thuộc kiến thủ của Tát-bà-đà, nên thành tà kiến cõi dưới, chỉ vô lậu “duyên” sự hư hoại của luận nảy sinh. Nay dựa vào văn này là diệt tà kiến phẩm hạ, thuộc về kiến tăng ích. Nay, dựa vào luận này, chấp pháp hữu lậu đồng với đạo, mê đạo; đồng với diệt, mê diệt. Nếu, “duyên” riêng bốn đế, thì các kiến phẩm hạ sẽ đồng với diệt, đạo. Kiến thủ này theo kiến thủ đã chấp để nói.”

Pháp sư Khuy cơ nói: “Nếu “duyên” chung bốn đế làm kiến thủ, tức là kiến thủ phẩm hạ của khổ đế; đế khác chỉ có thể “duyên” riêng.”

Hỏi: “Tiểu thừa như tà kiến này chấp có tà giải thoát riêng, cũng là mê khổ hữu lậu, thì làm sao kiến diệt dứt trừ?”



Đáp: “Mê diệt, chấp có diệt riêng, cho đến đạo cũng thế. Vì nghĩa tăng, nên chỉ kiến diệt trừ. Vì khổ đế trước là cõi dưới không có nói riêng kiến này. Tham v.v... còn lại như trước nên biết.”

Cho đến mê đối với diệt đế v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “Chấp riêng pháp tà kiến cho là giải thoát rốt ráo, xuất ly, trong đó, tham chấp mắc, hoặc đặc biệt sinh mạn, đều mê diệt đế. Hoặc nghe dòng họ Thích nói Niết-bàn, tâm sinh ganh ghét, phiền não, không nhẫn nhục, là mê diệt đế.”

Hỏi: “Tiêu diệt tám thứ dưới đều mê diệt chăng?”

Đáp: “Mê rộng, “duyên” hẹp, vì không hiểu rõ chân diệt, nên khởi tà kiến, chê bai “không”, chấp tà kiến sau, cho là xuất ly, trong đó, kể nặng về tham cậy thế nấy sinh ngạo mạn. Nghe nói chánh diệt, không nhẫn, nổi giận v.v... nên tám thứ đều là mê “diệt”. Nếu “duyên” diệt đế thì chỉ tà kiến, nghi, vô minh, sân.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Chỉ trừ giận dữ, nghĩa là đối với diệt đế v.v... so với văn này tức sân này là vô lậu “duyên” sử, vì thân “duyên” Diệt đế khởi, nên không đồng với Tiểu thừa. Lại không nói “duyên” mê dục, kiến của mình, sinh giận, giận này thuộc về đế nào?”

Đáp: “Ở dưới nói còn lại như trước nói, tức y theo vào sân trước cũng “duyên” kiến khởi. Nếu y theo tham v.v... thì thuyết trước đã y cứ, nên xem xét như trước.”

Trong mê đạo có tám rằng: “hoặc hạnh hoặc đạo, có thể dứt hết nổi khổ, nghĩa là chấp chỉ có đạo tà kiến khổ hạnh, là chánh, đó là tất cả tà kiến mê chánh, đạo.”

Nói là sự giận dữ của cõi Dục, ba thứ của ba cõi, gọi là tu đạo dứt trừ v.v..., đây là nói ba cõi hợp mười. Thân kiến biên kiến còn lại: Đây là tùy theo Tiểu thừa. Lại, trong Tu đạo không có công hạnh đối trị riêng. Như kiến đạo có hạnh “không vô ngã” riêng. Y theo hai thứ thân kiến, biên kiến của đạo lý chân chánh, có cả “câu sinh” cũng do Tu dứt trừ, như thuyết Duy thức đã nói. Lại, hai kiến đó cho đến khó có thể giải thoát. Pháp sư Cảnh nói: “Tu dứt trừ bốn “hoặc” có cả có “phân biệt” kể cả “câu sinh”. Nay nói “câu sinh” nhậm vận mà khởi, bền chắc, khó thoát. Phân biệt khởi, tức là vì dễ cảm giác biết, nên người lìa dục chỉ hàng phục phân biệt. Nhậm vận khởi, nghĩa là vì khó ngăn ngừa.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Chỉ có thời gian dài, nhậm vận bền chắc. Đây là vì để lộ phiền não của kiến đạo, nên có lời nói này. Trong tu đạo, đối với cảnh, có phân biệt khởi. Dưới đây nói về “duyên” cảnh:

Phiền não của kiến, tu, đại khái có năm thứ sở duyên v.v.... Pháp

sư Cảnh nói: “

1- thể phân biệt danh tướng trong năm pháp là hữu lậu, danh tướng thuộc khổ, tập đế đều từ tâm phân biệt khởi, cũng gọi là phân biệt. nay, tự giới phẩm hạ của khổ, tập “duyên” lậu, là “duyên” “phân biệt” mà khởi cảnh sự.

2- Hữu lậu của phẩm hạ Diệt, Đạo “duyên” kiến thủ trong “hoặc”, và tương ứng với vô minh, hoàn toàn “duyên” kiến làm cảnh, tham, sân, mạn và tương ứng vô minh, “duyên” chung kiến, phi kiến làm cảnh, nên nói rằng: Kiến thủ, tham v.v..., do kiến dứt các lậu”, Trừ nghi là “duyên” cảnh kiến, nên nói: “Trừ nghi, là tà kiến giới thủ, “duyên” kiến khác làm cảnh. Cũng có thể chấp tham v.v... kiến thủ do kiến đoạn, các lậu, trừ nghi, là “duyên” cảnh kiến, nên trừ nghi, giới thủ trong chín phiền não còn lại. Bấy tham v.v... còn lại “duyên” chung cảnh kiến, phi kiến. Nay lấy “duyên” kiến, nghĩa là lấy tà kiến khổ, tập cũng duyên kiến khởi, tà kiến chê bai đạo cũng “duyên” chánh kiến vô lậu khởi.

3- Giới thủ “duyên” cảnh giới cấm.

4- Lúc nghe nói danh tự Diệt, Đạo, Vô lậu “duyên” phiền não, chỉ “duyên” danh tự Đạo do tâm mình biến diệt làm cảnh. Nghe nói pháp của cõi trên thì gọi là cõi khác “duyên” phiền não, cũng “duyên” danh tự cõi trên do tự tâm biến hiện ra làm cảnh, vì không thể “duyên” Diệt, Đạo, bản chất của cõi trên, chứ chẳng phải không duyên cảnh do tâm mình biến ra.

5- Tu dứt trừ phiền não, phần nhiều là nhậm vận nối nhau sinh vững chắc, “duyên” cảnh sự của mình,”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Mười phiền não phẩm hạ của Diệt, Đạo kia, trừ một pháp nghi và giới thủ phẩm hạ, vì tự nói riêng, nên không nói là trừ pháp khác tám, là “duyên” cảnh kiến, một pháp nghi chỉ “duyên” để sinh, không “duyên” kiến khởi.

Như tà kiến và vô minh có “duyên” vô lậu, cũng có “duyên” hữu lậu, ở trước nói rằng: “Năm thứ Niết-bàn nói, kiến là tà kiến, mê diệt, chấp riêng có tà kiến của Đạo đế, tức hữu lậu, vô lậu “duyên” tà kiến, vô minh, do “duyên” kiến sinh. Một pháp nghi không có “duyên” kiến sinh, nay chỉ nói chung “duyên” kiến làm cảnh. Trong đây có kiến thủ không “duyên” kiến sinh; giới thủ không “duyên” giới sinh, nên biết đoạn văn này phần nhiều là luận. Cho nên biết văn trước nói rằng: “mười phiền não xoay vần “duyên” nhau. Vô lậu duyên kia và Khổ Tập cõi dưới không đồng với giới phần là “duyên” cảnh “danh”, vì chỉ nghe “danh” khổ, tập kia mà khởi phiền não. nếu thấy được thể của khổ, tập

kia, thì sẽ không khởi “hoặc”, vì thể ấy chẳng thể khởi “hoặc”.

Hỏi: “Như hai cõi dưới có “danh” để “duyên”, còn trong cõi Vô Sắc làm sao được thế ư?”

Đáp: “hai cõi dưới “duyên” “danh” sinh sau, phương tiện trước của cõi Vô Sắc “duyên” v.v... “danh”, nên cõi Vô Sắc kia đã khởi vô lậu “duyên” v.v..., cũng gọi là “duyên” “danh”, vì do sức tập quán, nên được như thế, chưa hẳn chính “duyên” gọi là khởi. “Danh” là danh của bốn uẩn của mình “duyên” bốn uẩn này khởi “hoặc”, chẳng phải giống với bản chất, nên nói là “duyên” “danh”. Đây là giải thích thứ nhất.

Lại, trong giải thích “duyên” cảnh kiến, chỉ là kiến đạo đối với tu đạo, đều là “duyên” kiến sinh diệt, trừ một nghi. Đây là “duyên” một môn danh, phân biệt chung. Môn khác của kiến hoặc, là chia riêng. Trong đây nói rằng, kiến dứt trừ các hoặc, là vì phân biệt với tu dứt trừ.”

“Nếu vậy thì hữu lậu cõi dưới của Diệt, Đạo sẽ bao gồm môn xứ nào?”

“Cũng gồm thâu “duyên” môn kiến, nhưng là môn chung.

“Nếu như thuyết trước đã nói, thì vì sao nói là kiến dứt trừ v.v...?”

“Đây là vì phân biệt với tham của tu đạo. Nếu chỉ nói tham v.v..., thì e rằng sẽ lẫn lộn với tu tạo tham v.v.... Khổ, tập ở trước tức phát ra danh của đế sở duyên rồi, đây là hữu lậu Diệt, Đạo “duyên” “hoặc” chỉ nói kiến dứt trừ, tức biết phân biệt khác với tu, mà là tham phẩm hạ v.v... của Diệt, Đạo.

Trong giải thích đối trị khác nhau, trước hỏi, sau đáp, trong đó có hai:

1- Nói bốn thứ đối trị.

2- Đối với người nói về sự đối trị khác nhau.

Trong phần trước, Pháp sư Cảnh nói: “Như thuyết của địa Thanh văn nói: “Giáo hóa tổ ngộ mười ba thứ như Du-già v.v..., tức là thiện căn giải thoát phần của ba thừa, làm phương tiện xa cho Thánh đạo kia, gọi là đạo tư lương. Y theo riêng ở địa Thanh văn mà nói, thì giống hết đạo tư lương của Thanh văn. Nay, nêu ý, tức nói chung là tư lương của ba thừa, thành tựu đối trị trong thân của hành giả, gọi là nối tiếp nhau thành tựu đối trị. Trong bốn tâm của địa vị Đại thừa. Bốn thiện căn của Đại thừa gần gũi kiến đạo dứt trừ. Đối với địa vị Đại thừa, kiến đạo ở sau bốn mươi tâm, chỉ đoạn kiến hoặc, chưa dứt tu hoặc, nên gọi là một phần. Tu đạo đồng thời dứt trừ tu hoặc là hai phần, vì hoặc đã dứt

trừ hết, nên gọi là đủ phần. Nay, y theo địa Thanh văn, để nói về tư lương của hai đạo thế gian, xuất thế gian, có mười bốn pháp, nghĩa là tự “tự viên mãn v.v... cho đến v.v... Sa-môn trang nghiêm”. Nay nói rằng mười ba là vì kết hợp nghe, suy nghĩ chánh pháp.

Kế là, trong phần nói đối trị với nhân, được chia làm ba:

1- Bậc thánh dứt trừ “hoặc”.

2- Nói phạm phu hàng phục “hoặc”.

3- Nêu hai thứ thô, nặng, để nói về có dứt, không dứt của ba vô học.

Trong phần đầu lại có ba: Pháp, Dụ, Hợp.

Ba câu hỏi trong pháp để chia ra ba chương:

I. Hỏi: “Trí hành của bậc Thánh lên kiến đạo, có tướng mạo gì? Là hỏi về hành tướng của kiến đạo.

II. Hỏi: “Do bao nhiêu tâm, mà kiến đạo được rốt ráo?” đây là hỏi lúc nhập kiến đạo, phải trải qua bao nhiêu tâm, kiến đạo mới được rốt ráo?

III. Hỏi: “Khi xả “hoặc” của kiến đạo là Đốn (ngay khắc) hay Tiệm (dần dần)?”

Dưới đây là phần đáp hai câu hỏi trên, tức chia làm ba đoạn để đáp. Trước là hỏi: “Lên kiến đạo đã có trí hạnh, xa lìa các tướng v.v.... Cảnh bổ khuyết rằng: “Nếu theo Nhị thừa quán nhân vô ngã để làm sáng tỏ chân như. Nếu theo Đại thừa thì quán hai vô ngã để hiển bày chân như bấy giờ trí bình đẳng không thấy cảnh “năng” “sở”, tướng bình đẳng, gọi là lìa các tướng. Vả lại, y theo Thanh văn quán chân như bình đẳng của bốn đế, nên nói rằng, đối với khổ, không phải phân biệt, cũng có thể y theo chung trong phương tiện xa của kiến đạo ba thừa đều quán bốn đế làm học đế, quán chân như vô phân biệt. Cho nên, trong kinh, luận xưa đều nói ba thừa đồng quán bốn đế, nhập Thánh đạo, như quán ở khổ đế; quán vô phân biệt ở hai đế khác cũng giống như thế. Đây là nêu hành tướng của phương tiện. Trước kia trong phương tiện trước của kiến đạo, dựa vào trí thế tục quán các thứ tướng về khổ v.v..., đều gọi là hý luận. Nay, nhập tướng chung của kiến đạo, đều dứt trừ danh, dứt hý luận. Nếu người Nhị thừa chỉ đối với nghĩa nhân vô ngã đã làm rõ chân như ly tướng mà chuyển. Nếu theo Đại thừa, tức làm rõ chân như ly tướng đối với hai vô ngã, mà chuyển. Luận Đối Pháp cũng nói rằng, hiện chứng trong khổ đế tự nối tiếp nhau, tuệ xuất thế của chân như kia phát sinh, dứt hẳn tất cả kiến khổ dứt trừ hai mươi tám tùy miên. Văn này là nói hàng Nhị thừa quán “như” để dứt “hoặc”.

Pháp sư Thái nói: “Tất cả tướng chung trong đế “sở quán” của trí thế tục ở trước đều được giải thoát, cho nên biết duyên chung kiến đạo khi nhập kiến đạo. trí thế tục ở trước đã quán bốn đế vì giải thích chứng bình đẳng không, nên nhập kiến đạo. Về sau, khi ra khỏi quán không thì lại quán đế là quán mười sáu đế.”

Kế là đáp câu hỏi thứ hai rằng: “lập ra, Kiến đạo do hai đạo lý bình đẳng; Bồ khuyết rằng: Ý đáp có hai:

1) Chân Kiến đạo không có tướng bình đẳng hấp dẫn người học, phó thác ở tướng mà nói về chín tâm.

2) Lập có nhất tâm, chính là nói chứng chân kiến đạo. Thế ngay từ lúc ban đầu dựa vào lý thuyết tức là đã có chín tâm. Về sau, khi dựa vào thực hành chỉ có một tâm.

Nói: Dựa vào ban đầu vì kiến lập sức tăng thượng nên bình đẳng, nghĩa là một niệm chứng trí, quán chung chân như của bốn đế trong ba đời, gọi là phẩm pháp trí, gồm có bốn tâm, tức Tự chứng phần của trí vô phân biệt kia, biến “duyên” tự thể, gọi là bốn loại trí. Trí chứng tương ứng với Xa-ma-tha của số nhất định là tâm thứ chín. Cũng có thể tâm này y theo trí vô phân biệt của hai niệm, nhằm giả lập chín tâm. Niệm ban đầu lập bốn pháp nhãn; niệm thứ hai lập bốn pháp trí, có bốn tâm, tức trí nhãn ở trước đều có tự chứng phần phản chiếu tự thể, hợp chung gọi là trí loại. Phẩm hợp cũng có bốn tâm.

Nếu chia trí nhãn có mười sáu tâm thì tùy âm thanh của Đức Phật, như đối tượng lập bày. Hai tâm khổ pháp nhãn, khổ pháp trí, Sát na đoạn “hoặc” là khổ phẩm hạ. Phân biệt sự khổ rất ráo, nói là nhất tâm, cho đến lập bày đạo pháp nhãn, đạo pháp trí; dứt “hoặc” phẩm hạ của Đạo đế, phân biệt rõ đạo đế của rất ráo. Trải qua ngần ấy thời gian, gọi là nhất tâm của đạo.

Ngài Tam Tạng lại nói: “Mười sáu tâm quán của tướng kiến đạo này dựa vào bốn phần của chân kiến đạo mà lập, như chân kiến đạo “duyên” chân như của bốn đế, gọi là có tướng phần. Nay, bốn pháp nhãn trí của tướng kiến đạo “duyên” bốn đế của ba cõi, như “duyên” tướng phần. Như tự chứng phần của chân kiến đạo, tự phản chiếu riêng. Nay, bốn trí loại nhãn của tướng kiến đạo “duyên” với pháp trí, như tự biến chiếu.

Chia riêng tám tâm trước trong chín tâm như thế thành mười sáu tâm, cũng vì trong các loại đều có trí Nhãn.

Vì kiến lập sức tăng thượng, nên nói “có nhất tâm bình đẳng”. Nghĩa là chỉ một vô gián dứt trừ ngay “kiến hoặc”, trí chân như rất ráo

của kiến đạo khởi, đồng thời cũng có đạo Xa-ma-tha, như tướng kiến đạo. luận Đối Pháp quyển chín cũng nói: “Lại, như trên nói mười sáu tâm của kiến đạo sai khác đều giả kiến lập, chứ chẳng phải chân thật. Vì sao? Vì trong địa vị xuất thế đều có nội chứng riêng, dứt hết hý luận. Pháp sư Thái nói: “Nhân số nhất định, khiến tâm sinh, nên nói tâm được hiển bày. Tám Xá-na vì quán sát riêng, nên nói riêng. Tám chỉ Xa-ma-tha, đồng vắng lặng trụ cảnh, hợp thành một tâm.”

Hỏi: “Theo luận Đối Pháp, tướng Kiến đạo có mười sáu tâm. Văn trước của luận này cũng nói rằng: “Đế thượng, hạ, mỗi đế đều có hai tâm, cũng là mười sáu tâm, tức là tám nhãn, tám trí. Vì sao văn này nói tướng kiến đạo chỉ có chín tâm? Vả lại, ở trước luận nói: “Kiến đạo gọi là đạo song vận, định, tuệ đều thực hành. Vì sao văn này trước thì nói là Trí, sau lại nói tám Định?”

Đáp: “Thật lý mà nói, thì định, tuệ thường đi chung. Lại theo Đại thừa thì Nhãn cũng gọi là Trí. Lúc biết tám Đế nhãn, nghĩa là vì tác dụng quán sát mong cầu tăng, nên nhãn, gọi là Xá-na.

Nói được tám trí, tám Trí tức tám Nhãn. Người Trí hy vọng đồng với tâm vắng lặng, tác dụng của định, gọi là Xa-ma-tha, tức tám Trí. Tám Trí cũng khác với mười sáu tâm, chỉ trong văn này nói về nghĩa quán sát hy vọng mong cầu tám Nhãn mạnh mẽ gọi là Xá-na, nói là tám trí. Về sau, khởi tám trí hy vọng, đồng với tác dụng mạnh mẽ của tâm, gọi là Xa-ma-tha, đồng với nghĩa vắng lặng. Nói chung là nhất tâm, chỉ vì khai, hợp không đồng, nên đặt tên không bình đẳng. Nói về thể của nhất tâm kia, tức tám nhãn, tám trí, chông khác với văn còn lại.

Luận sư phương Tây lại nêu ra một cách giải thích: “Tướng kiến đạo thật sự không dứt trừ “hoặc”, chỉ tùy cơ nói khác, các thứ không đồng. Hoặc nói rằng: “Mười hai duyên quán đoạn” hoặc nói: “Mười sáu đế quán đoạn”; hoặc nói rằng “Chín tâm đoạn”. Lúc chân kiến đạo kia nối tiếp nhau chứng Chân như, gọi là Chân kiến đạo rốt ráo, cũng có trước Trí, sau định, như tướng kiến đạo trước, nên biết. Đã giống với trí nói ở trước, sau lời nói của định cũng được nói là một pháp nhãn trong Chân kiến đạo, hai pháp Trí, hai tâm.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đại khái có ba thuyết:

1) “Phẩm Pháp Trí v.v...: Phẩm là phẩm loại, nói phẩm loại, tức đều bao gồm Nhãn, tức bốn pháp nhãn, hợp với một phẩm loại của pháp trí, gọi là bốn tâm. Loại trí cũng thế. Đây là phẩm trí có tám công năng dứt trừ “hoặc”. Tám phẩm định có thể vắng lặng, vì trụ tâm, gọi là chung là một, nên nói chín tâm vì phẩm định không có công dụng dứt

“hoặc”, nên không là Tri, chỉ gọi chung là nhất tâm. Dù lúc trí có định, lúc định có trí, vì công năng khác nhau, nên khi trí thì ẩn định, khi định thì ẩn trí không nói”.

2) “Nói phẩm pháp trí, nghĩa là không chấp pháp trí kia, ý chấp pháp nhãn, tức là phẩm pháp trí, nên pháp nhãn này là bốn, loại nhãn là bốn nên tám tâm. Tám tâm này có dứt hoặc là đạo vô gián, nên được gọi là trí. Bốn pháp trí, bốn loại trí hợp thành nhất tâm, gọi là đạo thuần túy Xa-ma-tha, vì không thể dứt “hoặc”, nên chẳng phải đạo Vô gián, gọi là chúng chín tâm.”

3) “Nói tức pháp Nhãn trí là bốn. Loại nhãn trí là bốn tâm, gọi là tám tâm. Vì kiến đạo vận dụng cả hai, nên tám tâm này đều có phẩm định, vì không thể dứt “hoặc”, nên đều được nhất tâm. Trí là tám tâm, nên gồm có chín.

Theo giải thích đầu, “Vì trước khác với sau, nên hợp ba mươi hai tâm, để làm thành một, nói chung chín tâm”. Cách giải thích này chỉ mười sáu tâm, vì định, tuệ khác nhau, nên gọi là chín tâm.

Trong ba thuyết, giải thích sau là hơn.

Giải thích ban đầu nói có ba mươi hai tâm, luận rằng: “Tức ngàn ấy thời gian, nên biết định, tuệ đồng thời, chỉ có mười sáu, đâu được nói là ba mươi hai?”

Nói về giải thích thứ hai rằng: “vì phẩm nghiệp của pháp Trí, nên đâu được nói lấy nhãn làm bốn. Giải thích của thuyết thứ ba là vượt hơn. Định, Tuệ của Chân Kiến đạo kia, hoặc trước, sau, hoặc cùng đều có ba thuyết, đồng với ở trên. Hoặc vì đạo vô gián, giải thoát khác nhau hoặc vì định, tuệ, Tư khác nhau, hoặc vì nghĩa đều cùng có; như trước, đã nêu các gia kiến xong.

Dưới đây, là đáp câu hỏi thứ ba. “Lại lập hai phần: Pháp sư Cảnh nói: “Ngài Tam Tạng hỏi: “Vì sao hạt giống trên năm căn chỉ “quán” dứt trừ, hạt giống trên tâm, tâm pháp, chỉ “chỉ” dứt trừ ư?”

Giải thích: “Năm căn, sắc pháp mỗi một cực vi đều có tùy miên khác nhau, rất nhiều phân biệt tâm quán. Cho nên dựa vào quán, để dứt trừ tùy miên sắc. Tùy miên trên tâm, tùy theo đối tượng nương tựa tâm, vì nhỏ nên tâm chỉ có thể dứt trừ, nên nói rằng: “đối tượng dứt của quán thứ nhất; đối tượng dứt của chỉ thứ hai. Phải biết rằng, đây là y theo vào đạo lý an lập, nói là chỉ, quán, dứt riêng. Trong lý chân thật không có tướng như thế. Vì hạt giống của các hoặc tu tập ở trong thức, đều “duyên” chân như. Vì trí chứng đoạn tức khắc, dưới đây là phá Kinh bộ, tức là dẫn kinh làm chứng, nghĩa là trong kinh đã nói hai người tin pháp,

lúc nhập kiến đạo, thực hành hạnh vô tướng, nên biết ông ấy nói kiến dứt trừ tùy miên, theo đuổi, đâu được gọi là phẩm quán? Trói buộc kiến đạo, nghĩa là vì thực hành hạnh vô tướng, nên không hợp lý.”

Nói thứ sáu, đây là từ câu giải thoát, tuệ giải thoát, thân chứng kiến chí, tín, giải và ở số nghịch của kiến đạo. Người thứ sáu thực hành vô tướng, do người thứ sáu kia, đối với Diệt đế của chân như, vì trụ trong tướng vắng lặng, nên gọi là trụ vô tướng. Bồ đề nói rằng: “Ở đây y theo chưa lập giáo A-lại-da, ở trước, Phật nói kiến dứt trừ tùy miên, theo đuổi năm căn và tâm, tâm sở của sáu thức. Nếu chỉ tùy sắc, thì cõi Vô Sắc không có đối tượng tùy sắc. Nếu chỉ tùy tâm, tức hai định vô tâm của vô tướng, không có đối tượng tùy tâm. Cho nên, đều cùng nói theo đuổi sắc tâm.

Ở đây nói “theo đuổi tâm, tâm sở: “Tâm vương tức gìn giữ tất cả hạt giống của tất cả pháp sắc, tâm, chứ chẳng phải tu đoạn tùy miên trên tâm, chỉ gìn giữ hạt giống ba tánh của pháp tâm sở của mình, và kiến dứt trừ tùy miên. Ở đây dù nói chung là kiến dứt trừ Tùy miên, theo đuổi tâm, tâm sở, nhưng về lý thật ra có rộng, hẹp khác nhau (cụ thể như quyển năm mươi một nói đủ). Đây là theo cách giải thích của Ngài Tam Tạng. Pháp sư Thái lại nói: “Do sắc có nhiều dạng khác nhau, quán tức là tác dụng của không quán gia tăng, nên nói là quán thân. Người tu định phần nhiều “duyên” nhất tâm, trụ ở cảnh, nên nói ý định gọi là nhất tâm định. Vì chủ thể quán định, đối tượng “quán” không, nên nói là thứ hai, theo đuổi tâm, tâm pháp, trên tùy miên mà dứt trừ. Nếu nói dựa vào thứ hai ở trước, kiến lập chân kiến đạo, trước trí, sau định, thì chính là nói các trí thuộc về phẩm quán đã dứt theo đuổi tùy miên sắc, nhưng có kiến dứt trừ theo đuổi tùy miên tâm chưa dứt, theo sinh: ở đây là chỉ cho sắc “không”, chưa được tâm “không”, lẽ ra không được đạo vô tướng đối trị thể sinh, nhưng vẫn dẫn lời Phật nói. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tướng phần khác nhau của tâm phiền não trong sắc thanh tịnh thật khó biết. Vì nhỏ nhiệm nên nói rằng, quán dứt trừ hạt giống trong tâm, tức thích hợp với một loại kiến phần của tâm, vì rất dễ hiểu, nên nói là chỉ dứt trừ, thật ra cả hai đều cùng quán đoạn, “chỉ” đều dứt theo.

Dưới đây sẽ phá thuyết của Kinh Bộ nói: “không có A-lại-da, nên hạt giống thuộc sáu thức. Nếu khởi phẩm quán thì hạt giống “hoặc” vẫn còn theo đuổi. Nếu không quán theo đuổi, tức hạt giống theo đuổi tâm hữu lậu ở quá khứ, mà quá khứ đã không có tự thể, thì theo đuổi sẽ từ đâu sinh? Nên nói quán theo đuổi ở hiện tại. Nay, đã phá thuyết đó, nên



lập lượng rằng:

Tông: Phẩm quán như kiến đạo v.v... lẽ ra chẳng phải là đối trị thể tánh.

Nhân: Vì hạt giống phiền não vẫn theo đuổi sinh.

Dụ: Như tâm pháp hữu lậu.”

Do trái với đạo lý của lượng này, nên đức Bạc-già-phạm nói: “Cho đến gọi là trụ vô tướng”

Trụ vô tướng thứ sáu trong đây nói không đồng với Đối Pháp quyển chín, như luận ấy nói: “Mười sáu tâm của kiến đạo đều là tùy tín hành, tùy pháp hành. Vào đến quả vị, gọi là tín giải v.v..., tức tâm thứ mười sáu là tín giải, cũng ở trong kiến đạo, vì sao ở đây nói là không có công dụng, nhập kiến đạo, tức trừ tín giải, há trừ tâm thứ mười sáu của kiến đạo ư?”

Đối Pháp nói: “Trụ Vô Tướng đều ở trong mười sáu tâm ư?”

Đáp: “Có ba thuyết:

1) Môn tùy thuận lý, vì mười lăm tâm của kiến đạo Tiểu thừa, nên Tín giải v.v... này tức ở tu đạo, nay dứt trừ.

2) Như mười sáu tâm của Đối Pháp đều trụ Vô Tướng, nhưng mười lăm tâm trước là đạo Vô gián, đều thêm nghĩa dứt “hoặc”. Trong đây lại không nói là lấy tâm thứ mười sáu, do đạo giải thoát này nên trừ tín giải v.v....

3) Đối Pháp kia y theo vào pháp để luận, chấp mười sáu tâm đều vô tướng, gọi là thứ sáu. Ở đây y theo người để luận. Vì thế nếu lấy tín giải v.v..., thì sẽ không có sáu thứ, nên nay, dứt trừ lấy mười lăm tâm thôi. Lại, tín giải v.v... chẳng phải địc vị định, vì đều có trong quả khác. Nay vì lấy vô tướng quyết định, nên bỏ tín giải v.v....

Kế là, nói về dụ: Thầy thuốc nhỏ mũi tên v.v..., nghĩa là hành giả lúc bấy giờ, sắp nhập kiến đạo, ở trong phương tiện gọi là thầy thuốc, đã hàng phục được “kiến hoặc” rồi, đương nhiên, biết hạt giống có thể dứt trừ, nên gọi là biết mục nhọt đã mùi rồi, dùng dao bén giải phẫu trước là thí dụ chánh nhập, chánh quán, dù mủ chảy ra dần, nhưng vẫn còn sót đọng lại chưa hết sạch hẳn. Về sau lại mổ xẻ kỹ, là năm bỏ mủ đi bằng cách rửa thật hết. Đây là dụ cho kiến đạo phẩm thượng của Bạc thánh, tức sạch hết, chưa có thể rất tịnh, cho đến đóng bít hết, đây là dụ cho vô tướng của Tu đạo. Hợp dụ dưới đây, rất dễ hiểu.

Thứ hai, trong phần nói, về phạm phu hàng phục “hoặc” Luận sư Cảnh nói: “Nói là nếu các phạm phu, cho đến gân gủi kiêu mạn của tu dứt trừ, không dựa vào kiến dứt trừ phiền não mà sinh. Chỉ dựa vào tu

dứt trừ phiền não mà sinh, nên gọi là gần gũi kiêu mạn. Muốn nói về tác động của phàm phu, chỉ do hữu lậu tu đạo, hàng phục tu hoặc. Vì không có kiến đạo, nên không hàng phục “kiến hoặc”.

“Nếu” các phiền não cho đến “có khi hiện hành”, nghĩa là phân biệt sự dứt trừ của Bạc thánh. Người tu hành khi sắp nhập định, “Kiến hoặc” cõi Dục không khởi. Lúc xuất định lại khởi, vì chưa hàng phục.

Nói “chẳng phải sinh lên cõi trên”, nghĩa là “hoặc” kia lại hiện khởi, thân sinh địa trên, không khởi kiến hoặc của địa dưới. Như thế phàm phu nên biết cũng thế, phàm phu hàng phục tu hoặc cõi Sắc, chỉ trừ giận dữ. Hàng phục tham mạn, vô minh khác, đồng như ở trước nói. Tự địa tất cả đến, tức là hiện ở trước, nghĩa là nếu dựa vào sáu hạnh phàm phu của Tiểu thừa thì Kiến, tu đều dứt. Thân ở địa dưới, khởi “kiến hoặc” của địa trên. Nay, Đại thừa nói sau hạnh của phàm phu là đạo thế tục, chỉ tu hàng phục dứt trừ, “phân biệt” khởi “hoặc”, không hàng phục “câu sinh”, vì nhậm vận khởi khó ngăn ngừa “kiến hoặc” nhỏ nhiệm, do mê lý, sự mà sinh, cũng vì không thể hàng phục, nên thân hàng phàm phu ở địa dưới, hàng phục tu hoặc của địa dưới; tu hoặc của địa trên được khởi hiện hành; kiến hoặc của địa dưới, gặp duyên vẫn khởi, kiến hoặc của địa trên không được hiện hành.”

Ngài Tam Tang nói: “Thân ở địa dưới hàng phục tu hoặc của địa dưới; tu hoặc của địa trên được hiện hành, kiến hoặc của địa dưới gặp duyên liền khởi, kiến hoặc của địa trên cũng được hiện hành, với định của tự địa hơn kém lẫn nhau. Nếu khởi, thì từ tâm tán của địa trên mà khởi “kiến hoặc”. Nếu sinh, thì y theo sinh địa trên, nếu gặp duyên sinh, sinh “kiến hoặc” của địa trên cũng có thể.

Nay, nói là phàm phu lìa dục cõi Sắc, tự địa đã có các lậu do kiến dứt trừ.

“Nếu định khởi sinh, gặp duyên liền hiện”, nghĩa là y theo vào sinh địa trên, “kiến hoặc” của địa dưới không hiện khởi, nên được khởi tất cả “kiến hoặc” của tự địa.

Nói “Nếu định, nghĩa là từ định của phần thối lui khởi lên “kiến hoặc”, kiến hoặc theo thứ lớp nhập định tịnh”. Nên nói hoặc định hoặc chẳng phải định, được khởi kiến hoặc ở trong định. Nếu khi ở trong định, nghe tiếng khởi nhĩ thức, thì chỉ là tự tánh vô ký như thế (Suất nhĩ) không khởi phiền não. Nếu khởi thì thân ở địa trên sẽ rộng khắp ở phần vị tâm tán, gặp “duyên” được khởi. Nếu sinh, là sinh chung, ở địa định trong tất cả thời gian. Nếu gặp duyên sinh, là khởi cõi kia, đồng với “kiến hoặc” của địa.”

Pháp sư Thái nói: “Nói “nếu định” nghĩa là ngoại đạo nhập định. Tám muôn kiếp về trước ở quá khứ không có nhân, tức khởi thường kiến, có hơn kém với tướng định, vì thuận theo định nên gọi là “nếu định”; không thuận với định, gọi là “nếu khởi”. Thân sinh cõi kia khởi, gọi là “nếu sinh”. Kiến hoặc dứt trừ các lậu, hoặc phân biệt, không phân biệt, cả hai đều có thể khởi tu dứt trừ các lậu, chỉ khởi không phân biệt. Phân biệt, nghĩa là hàng phục không khởi.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Do hoặc chướng của tu đạo, vì sự định (nhậm vận) sinh, nên chỉ hàng phục tu hoặc. Phiền não kiến đạo, do phân biệt mà sinh, vì che lấp lý, nên không hàng phục được định. Trong hàng phục tu, chỉ với tham, sân thuận theo kiêu căng, ngạo mạn. nay, có thể hàng phục, với ngã kiến v.v... thuận theo kiêu mạn, tức không thể hàng phục. Như quyển sáu mươi chín nói: “Không hàng phục ngã kiến v.v...”. Có vấn phân biệt ngã kiến kia vì đều cùng có với mạn.”

Hỏi: “Nếu vậy thì tham, giận dữ cũng thế, đều có với kiến, tức không hàng phục?”

Đáp: “Do kiêu mạn thuận theo ngã mà sinh, nên luận phân biệt riêng”.

Nêu hai thứ thô nặng, nói về người ba vô học có đoạn, không đoạn. Pháp sư Cảnh nói: “1- Lậu thô nặng, tức hạt giống kiến, tu, hoặc. 2- Hữu lậu thô nặng, tức là tập khí (thói quen).”

Nói lậu thô nặng, nghĩa là sự sinh không có tánh chịu đựng. Người học phạm phu, gọi là “Tùy miên giả”, nghĩa là trong, thân có thức tất cả hạt giống của kiến hoặc, tu hoặc mà La-hán đã dứt trừ. Hữu lậu thô nặng, nghĩa là cuối cùng vì đều được mỏng nhẹ: Do Tùy miên, nên tập khí tăng trưởng, do dứt trừ tập khí mỏng nhẹ của tùy miên.

Lại, “dưới đây là,” nói về tập khí, mà người Nhị thừa không dứt trừ, đức Như lai đã dứt trừ hẳn, cho nên nói là dứt trừ hẳn tập. Khí là Phật pháp bất cộng”.

Pháp sư Thái nói: “Nói là từ lậu sinh ra, nghĩa là mới khởi. Do Lậu huân phát, nghĩa là vô tử pháp nhĩ.” Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Như Bản Địa quyển ba nói: “Pháp thiện không gọi là thô nặng, cũng chẳng phải tùy miên,” thế sao trong đây lại nói hữu lậu thô nặng? Và Đối Pháp nói có hai mươi bốn thứ nghiệp thô nặng?”

Nghĩa là: “Tánh thô nặng, tức hạt giống v.v... phiền não, trong đây là nói lậu thô.”

2) Tâm không điều hòa, nhu thuận, gọi là thô nặng, tức v.v... cả pháp thiện v.v... hữu lậu, mà trong đây là nói hữu lậu thô nặng.

Quyển ba y theo vào tánh thô nặng. Luận rằng: “Vì pháp thiện bình đẳng, nên không phải. Trong đây, y theo sự thô nặng không điều hòa, nhu nhuyễn. Pháp thiện hữu lậu cũng vậy, không trái nhau, nghĩa là ở đây nói nếu người có phiền não, thì pháp thiện vô ký v.v... trong thân là lậu, vì hòa lẫn với không điều hòa, nhu thuận nên gọi là tập khí. La-hán có thiện này v.v... tồn tại. Dù được pháp mỏng nhẹ, nhưng thể nó vẫn tồn tại. Các hữu lậu dứt hẳn, gọi là dứt tập khí. Phần khí thô nặng hữu lậu này ở nơi thân, hòa lẫn với pháp lành không phải một, không phải khác, như chất độc có khí phần ở trong thân. Không phải một, không phải khác này, lúc tùy miên đoạn, phần khí này sẽ được mỏng dần. Vì trí viên cảnh của Phật sinh, nên nói dứt trừ hẳn tập khí.

Y theo theo phiền não tạp nhiễm, để giải thích về năm môn đã xong.

Dưới đây là thứ hai, giải thích bảy môn, trong đó, ban đầu giải thích, kế là bài tụng kết. Bảy môn là:

- 1) Giải thích tham dục.
- 2) Giải thích tham ái là tướng tập đế
- 3) Giải thích lìa dục.
- 4) Giải thích chấp ngã v.v...
- 5) Giải thích sự dục là nhân khổ.
- 6) Giải thích kinh nói tên khác của phiền não gồm có bảy câu.
- 7) Giải thích về tham v.v... gọi là căn bất thiện.

- Y theo trong giải thích đầu về dục, trước giải thích kinh nói dục của phiền não, không nói năm trần sự như sắc v.v.... Kế là, giải thích dứt trừ tám thứ phân biệt sinh ra tham dục. Sau, giải thích chỉ tham dùng làm tướng dục.

- Y theo trong giải thích tám phân biệt,

- 1) Nêu tám tên gọi.
- 2) Dẫn kinh giải thích.

Đã nói rằng, “phát sinh tác ý trong các dục gọi là phân biệt dẫn phát, nên biết phân biệt lưỡng đối, tác ý làm tánh”. Lại nói: Vì khiến biết rõ sự phân biệt giả đối cũng là dục vọng, tìm kiếm rồi lại bỏ, nên biết là tà dục.

Y theo trong giải thích chỉ có tham để làm tướng của dục, đầu tiên, trong giải thích về các phiền não cõi Dục, chỉ tham là nguyên nhân của tướng dục, vì chỉ tham ái là tập đế.

Kế là, nói về ý thức phân biệt. Chỉ có tham là tướng của dục, do ý phân biệt, để cho tham biểu hiện trước. Do ý phân biệt thọ dụng sự dục,

nên lấy phân biệt khiến cho tham hiện tiền, do ý phân biệt nên “câu tham” gọi là tướng dục. Tướng chung gọi là một tham phân biệt lưỡng đối. Lại, có một phần ngoại đạo bỏ dục, xuất gia, nhưng họ vẫn khởi phân biệt giả dối về sự dục, vì khiến phân biệt sự giả dối cũng là dục rồi, vì tìm kiếm rồi lại xả, nên nói sự phân biệt cũng là tướng của dục.

Thứ hai, là giải thích dục là tướng tập đế.

Đáp: “Do hai nhân duyên, cho đến sinh khởi cùng khắp, cho nên bình đẳng. Pháp sư Cảnh nói: “Do dựa vào tham ái, mong muốn nhiếp thọ thể của thân hiện tại, không muốn chỉ có pháp khéo đối trị. Do mong muốn, không mong muốn này, nên sinh, tử không dứt.

2) Do khởi khắp nên khởi khắp có ba:

a) Khởi khắp trong phần vị của năm thọ. Vì nói hỷ hòa hợp, nên Hỷ không lia đây là nhân hai Hỷ, lạc thọ sinh ở Hỷ, không hợp với Hỷ, vì trái lia. Đây là nhân ưu khổ, mà sinh ở ái, thường tùy tự thân mà tiềm tàng ái. Đây là tùy xả thọ mà sinh ra ái.

b) Thời gian khắp: Ái có thể “duyên” khắp thời gian ba đời.

c) Cảnh khắp: “duyên” thân nội hiện tại, thân sau sinh ái. Cũng “duyên” đã được, chưa được trần bên ngoài sinh ái. Luận sư Phương người Tân-la nói: “Cõi phi nguyện, nghĩa là nêu đối tượng trị, tức nẻo ác gọi là phi nguyện.

Trong đối trị thiện, đây là chỉ rõ chủ thể trị. Dù thiện được nói đối tượng trị, mà ý trong đây lấy chủ thể trị thiện. Như thế trong thiện chẳng phải nguyện cầu.

3) Trong giải thích lia dục rằng: “phiền não trong các sự có thể xa lánh v.v... nghĩa là phiền não nhờ vào duyên, có thể tránh khỏi các sự như phi sắc v.v... vì sắc, v.v... cùng khắp nên không thể tránh.

4) Giải thích ngã bình đẳng rằng: “Lại, hai nghiệp này có hai nhân duyên bằng nhau. Nghiệp là nghiệp dụng. Ở trước nói sáu mươi hai kiến, khởi hành vi bất thiện của thân, ngữ, ý bất chính, gọi là nhân duyên tà hạnh. Hạt giống tùy miên sinh ra quả khổ, gọi là nhân duyên sinh khổ. Hai nhân duyên này được gọi là nghiệp. Vì nghiệp này lại có nhân duyên, nên gọi là nhân duyên của nhân duyên. Sáu mươi hai kiến là nhân duyên tà hạnh. Ngã, ngã sở kiến lại làm nhân duyên cho sáu mươi hai kiến, nên gọi là nhân duyên của nhân duyên tà hạnh. Vì ngã mạn trong phần vị ban đầu, phần vị đầu tiên này không nghe chánh pháp. Vì tăng thượng mạn trong phần vị sau, nên phần vị ấy không tu chánh hạnh. Hai thứ này thường sinh hạt giống tùy miên, nên gọi là nhân duyên của nhân duyên sinh khổ. Lại, có sự khác nhau, nghĩa là

khéo nói pháp trong Tỳ-nại-da có bốn pháp v.v...: Pháp sư Cảnh nói: “Dù trong đây nêu đối tượng chướng, chủ thể chướng, nhưng đều có bốn, ý lấy chủ thể chướng.

1) Chấp ngã, ngã sở, nghĩa là chướng thứ hai trong bốn thứ trước, đồng phạm hạnh với mình, tu pháp đáng ưa thích.

2) Ngã mạn; Chướng thứ ba ở trước, đối với luận khác, không sinh tâm ganh ghét. Do có ngã mạn, nên đối với luận khác, phần nhiều sinh ganh ghét.

3) Chấp giả dối lấy đế: Chướng thứ nhất ở trước, là giải thích đế.

4) Không dứt trừ tùy miên: Chướng thứ tư ở trước, đối với phẩm thanh tịnh, có thể không lui mất.

Pháp sư Thái nói: “Ba chấp giả dối lấy đế, nghĩa là chấp giả dối xong, rồi lại lập ra thật đế, ngoài ra đều nói dối, nên chướng ngại thứ ba ở trước, đối với luận khác không sinh ganh ghét.

Nay, giải thích bốn thứ sau, như thứ lớp, phối hợp với bốn câu ở trước. Lại, hai chấp v.v... Pháp sư Cảnh nói: “Chấp sắc căn bên trong làm “ngã”, gọi là chấp căn; chấp năm trần bên ngoài làm ngã sở gọi là chấp Cảnh. Đây gọi là chấp căn, cảnh. Ba phẩm hữu tình, cảnh kia, căn này đối nhau, ưa khởi mạn vượt hơn, gọi là hữu tình chấp xoay vần, lại không có tự thể riêng là hạnh giải của ngã, ngã sở.

Dùng “lại nữa” trên, các lần “lại nữa” đều giải thích riêng lời nói chấp mắc, tìm kiếm rất dễ hiểu.

5/ Giải thích lại về Dục là nguyên nhân của các thứ khổ. Do với hữu tình có dục tham làm mờ mắt. Sự tham dục ấy nếu bị đối khác thì cảm thấy khổ lo buồn, nên nói lấy dục tham kia làm nhân cho khổ.

6/ Tên khác của phiền não trong phần giải thích kinh, có bảy trường hợp:

1. Tên gọi là năm cái giống với năm chi thô. Pháp sư Thái nói: “Năm cái có nghĩa che giấu, trừ một thứ đuôi vì không có công dụng.” Pháp sư Khuy Cơ nói: “Cái thô có năm công dụng, được gọi là giống như năm chi.

2. Phần như lạc đà mẹ, lạc đà mẹ gặm cỏ với ý ác. Phần cũng thế, vì biểu lộ ý hung dữ đối với người khác.

3. Sự keo kiệt, ganh tỵ giống như máu bị ứ. Vì máu ngưng đọng mỏng manh không thật, lợi dưỡng cũng thế.

4. Các dục, như sắc v.v... như thịt trên thớt của đồ tể, không nhất định thuộc về chủ, đối với thịt đó khởi dục, gây chướng ngại cho việc tu pháp lành.

5. Vô minh gọi là sói. Pháp sư Cảnh nói: Các “nước phương Tây có loại sâu to bằng con chồn, rất ngu si, đần độn. Theo Bà-Sa xưa gọi là “bất chính”, nên nói rằng: “Có con rắn tên là Mạn-Kỳ. Bản thân nó đã mù, để con ra cũng mù. Chỗ nào nó đã dọa nạt (khè), cũng làm cho kẻ khác bị mù”. Pháp sư Thái nói: “Sói, có tên Sói chuột, sói chuột có nhiều đuôi. Khi rắn bắt nạt, nó dùng đuôi che miệng rắn lại, rắn không mổ được. Vô minh cũng che lấp sự học hỏi, hiểu biết, không được nghe pháp”.

Pháp sư Thái đều chấp nhận cả hai giải thích.

Lại nói: “Các nước phương Tây cho rằng: “Người lông tai, là lỗ tai có lông, che lấp tiếng, không nghe tiếng người.

6. Nghi, như đường tẻ. Bẫy ngã mạn, gọi là vòng vây quanh, do ngã mạn gây trở ngại cho người kia mong cầu xuất thế, như núi Luân Vi, khó có thể vượt qua.

7. Giải thích ba thứ tham, sân, si do phát ra nghiệp, lập căn bất thiện.

